

# KTCTMLN-2-21- NKTXD.2+ KTVTAI - Bài kiểm tra số 02 (Thời gian từ 13h50 đến 15h45)(100 điểm)

## Chương 3

### Bắt buộc

1.Số thứ tự (theo danh sách điểm danh)

2.Họ và tên

3.Lớp

4.Mã sinh viên

5.Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống:

Tư bản cho vay là ..... mà người chủ của nó nhượng cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất định để thu .....

(1 Điểm)

Tư bản nhàn rỗi/lãi suất

Tư bản sản xuất/lãi suất

Tư bản hàng hóa/lợi tức

Tư bản tiền tệ/lợi tức

6.Tư bản thương nghiệp là :

(1 Điểm)

Tư bản dùng để mua tư liệu sản xuất và sức lao động của công nhân

Tư bản hoạt động trong lĩnh vực lưu thông hàng hoá

Tư bản hoạt động dưới hình thái tư bản tiền tệ

Tư bản hoạt động dưới hình thái tư bản công nghiệp

7.Bản chất của lợi nhuận thương nghiệp

(1 Điểm)

Là lao động thặng dư của nhân viên ngành thương nghiệp tạo ra

Là khoản chênh lệch giữa lợi tức và lợi nhuận bình quân

Là kết quả của hoạt động đầu cơ, nâng giá, bóc lột người tiêu dùng

Là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất

8.Mục đích trực tiếp của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là:

(1 Điểm)

Sản xuất ra ngày càng nhiều của cải

Mở rộng phạm vi thống trị của quan hệ sản xuất TBCN

Tạo ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư

Làm cho lao động ngày càng lệ thuộc vào tư bản

9. Động cơ chủ yếu của tích lũy tư bản là gì:

(1 Điểm)

Quy luật giá trị thặng dư

Quy luật lưu thông tiền tệ

Quy luật cung - cầu

Quy luật giá trị

10.Điều kiện tất yếu để sức lao động trở thành hàng hoá:

(1 Điểm)

Người lao động không được tự do về thân thể

Người lao động tự nguyện đi làm thuê

Người lao động được tự do về thân thể và không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán

Người lao động có tư liệu sản xuất

11.Chi phí sản xuất TBCN (k) bao gồm những bộ phận nào?

(1 Điểm)

v và m

m và v

c và m

c và v

12. Hình thức nào không phải biểu hiện của giá trị thặng dư

(1 Điểm)

Lợi tức

Lợi nhuận thương nghiệp

Lợi nhuận công nghiệp

Tiền công

13. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là:

(1 Điểm)

a. Kéo dài thời gian của ngày lao động, còn thời gian lao động tất yếu không thay đổi

b. Tiết kiệm chi phí sản xuất

c. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý

d. Cả a, b, c

14. Nhân tố nào dưới đây có ảnh hưởng ngược chiều với tỷ suất lợi nhuận

(1 Điểm)

a. Tỷ suất giá trị thặng dư

b. Tốc độ chu chuyển của tư bản

c. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

d. Cả a và b

15. Giải pháp để chống hao mòn vô hình:

(1 Điểm)

a. Sử dụng máy móc cũ, lạc hậu

b. Bảo trì, bảo dưỡng máy móc thường xuyên

c. Sử dụng hết công suất của máy móc

d. Cả a và b

16. Đặc điểm của tư bản thương nghiệp dưới CNTB là:

(1 Điểm)

Tách hoàn toàn với tư bản công nghiệp

Độc lập với tư bản công nghiệp

Vừa độc lập, vừa phụ thuộc vào tư bản công nghiệp

Phụ thuộc vào tư bản công nghiệp

17. Lợi nhuận thương nghiệp có được do tư bản công nghiệp bán hàng hoá cho tư bản thương nghiệp với mức giá:

(1 Điểm)

Cao hơn giá trị

Thấp hơn giá trị hàng hoá

Bằng chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa

Bằng giá trị

18. Giá trị hàng hoá sức lao động gồm:

(1 Điểm)

a. Giá trị các tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất sức lao động và nuôi con của người lao động

b. Chi phí để mua máy móc, thiết bị, nhà xưởng

c. Phí tổn đào tạo người lao động

d. Cả a và c

19. Chọn các ý **đúng** về đặc điểm của giá trị thặng dư siêu ngạch trong sản xuất công nghiệp:

(1 Điểm)

a. Không cố định ở doanh nghiệp nào.

b. Chỉ có ở doanh nghiệp có năng suất lao động cá biệt cao hơn năng suất lao động xã hội

c. Là động lực trực tiếp, mạnh mẽ của các nhà tư bản

d. Cả a, b và c

20. Tư bản cố định có vai trò gì?

(1 Điểm)

a. Là nguồn gốc của giá trị thặng dư

b. Là điều kiện để giảm giá trị hàng hoá

c. Là điều kiện để tăng năng suất lao động

d. Cả b, c

21.Trong phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, người lao động muốn giảm thời gian lao động trong ngày còn nhà tư bản lại muốn kéo dài thời gian lao động trong ngày. Giới hạn tối thiểu của ngày lao động là bao nhiêu?

(1 Điểm)

Do nhà tư bản quy định

**Lớn hơn thời gian lao động tất yếu**

Bằng thời gian lao động tất yếu

Đủ bù đắp giá trị sức lao động của công nhân

22.Trao đổi ngang giá làm cho :

(1 Điểm)

Tổng giá trị giảm xuống

Tổng giá trị tăng lên

**Tổng giá trị không đổi**

Giá trị 1 đơn vị sản phẩm giảm

23.Những nhân tố nào ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận?

(1 Điểm)

a. Tỷ suất giá trị thặng dư

b. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

c. Tốc độ chu chuyển của tư bản

**d. Cả a, b, c**

24.Nguồn gốc tích tụ tư bản **không** có từ:

(1 Điểm)

a. Giá trị thặng dư

b. Lợi nhuận

**c. Các tư bản cá biệt**

d. Cả a,b,

25.: Điền vào chỗ trống: Cấu tạo hữu cơ của tư bản là..... được quyết định bởi ..... và phản ánh sự biến đổi của.....

(1 Điểm)

Cấu tạo sản xuất / Cấu tạo kỹ thuật / Cấu tạo giá trị

Cấu tạo giá trị / Cấu tạo kỹ thuật / Cấu tạo giá trị

**Cấu tạo giá trị / Cấu tạo kỹ thuật / Cấu tạo kỹ thuật**

Cấu tạo kỹ thuật / Cấu tạo giá trị / Cấu tạo kỹ thuật.

26.Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối có điểm nào giống nhau?

(1 Điểm)

a. Điều làm cho công nhân tổn sức lao động nhiều hơn

**b. Điều làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư**

c. Điều làm giảm giá trị sức lao động của công nhân

d. Cả a, b và c

27.Tỷ suất lợi tức phụ thuộc vào:

(1 Điểm)

a. Tỷ suất lợi nhuận bình quân

b. Sự phân chia lợi nhuận bình quân thành lợi tức và lợi nhuận doanh nghiệp

c. Quan hệ cung cầu về tư bản cho vay

**d. Cả a, b, c**

28.Tiền công TBCN là:

(1 Điểm)

Giá trị của lao động

**Giá cả của hàng hoá sức lao động**

Sự trả công cho lao động

Giá cả của lao động

29.Tiền biến thành tư bản khi:

(1 Điểm)

**Được dùng để mang lại giá trị thặng dư cho nhà tư bản**

Mang tiền cho vay

Qua lưu thông mang lại khối lượng tiền lớn hơn

Dùng tiền để mua tư liệu sản xuất cho nhà tư bản

30.Trong các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận, nhân tố nào ảnh hưởng thuận chiều?

(1 Điểm)

**a. Cấu tạo hữu cơ của tư bản**

b. Tốc độ chu chuyển của tư bản

- c. Tư bản bất biến  
d. Cả a,b,c

31. Chọn ý kiến **đúng** khi nhận xét giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch:

(1 Điểm)

- a. Giá trị thặng dư tương đối chỉ một số nhà tư bản đi đầu trong ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, giảm giá trị cá biệt thu được  
b. Giá trị thặng dư siêu ngạch toàn bộ giai cấp tư sản thu được  
c. Giá trị thặng dư tương đối phản ánh trực tiếp quan hệ giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, còn giá trị thặng dư siêu ngạch là động lực trực tiếp của các nhà tư bản.  
d. Cả a, b, c

32. Tư bản bất biến gồm những bộ phận nào? (1) Tiền thuê nhà xưởng, (2) tiền mua máy móc, thiết bị, (3) tiền mua nguyên liệu, (4) tiền mua nhiên liệu, (5) tiền thuê công nhân

(1 Điểm)

- (1) + (2) + (3) + (5)  
(1) + (2) + (3) + (4) + (5)  
(1) + (2) + (3) + (4)

Tùy chọn 2

- (1) + (2) + (3)

33. Tích tụ tư bản

(1 Điểm)

- a. Là sự tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hoá giá trị thặng dư  
b. Là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản  
c. Làm cho tư bản xã hội tăng

d. Cả a, b và c

34. Chọn các ý đúng về tư bản bất biến, tư bản khả biến, tư bản cố định, tư bản lưu động:

(1 Điểm)

- a. Tư bản bất biến không thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất.  
b. Tư bản cố định là một bộ phận của tư bản bất biến  
c. Tư bản khả biến là một bộ phận của tư bản lưu động.

d. Cả a, b và c

35. Những nhận xét dưới đây về phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, nhận xét nào là **không đúng**?

(1 Điểm)

Chủ yếu áp dụng ở giai đoạn đầu của CNTB khi kỹ thuật còn thủ công lạc hậu

Thời gian lao động thặng dư thay đổi

Giá trị sức lao động không thay đổi

Thời gian ngày lao động không thay đổi

36. Các yếu tố dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc tư bản bất biến?

(1 Điểm)

Kết cấu hạ tầng sản xuất

Điện, nước, nguyên liệu

Tiền lương, tiền thưởng

Máy móc, thiết bị, nhà xưởng

37. Chọn các ý **không đúng** về các cặp phạm trù tư bản:

(1 Điểm)

- a. Chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến để tìm nguồn gốc giá trị thặng dư  
b. Chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động để biết phương thức chuyển giá trị của chúng sang sản phẩm

c. Tư bản cố định cũng là tư bản bất biến, tư bản lưu động cũng là tư bản khả biến

d. Cả a, b đều đúng

38. Giá trị hàng hóa sức lao động bao gồm các khoản nào dưới đây?

Ông A chi tiêu hàng tháng cho các khoản sau đây: Tiền mua lương thực thực phẩm (1); tiền thuê nhà (2); tiền học cho con cái (3); tiền mua sách báo thỏa mãn tinh thần (4); tiền xe cộ đi lại (5); chi phí học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (6).

(1 Điểm)

- (1) + (2) + (4) + (6)  
(1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6)  
(4) + (5) + (6)  
(1) + (2) + (3)

39. Kết quả cạnh tranh giữa các ngành của tư bản dẫn đến hình thành:

(1 Điểm)

lợi nhuận bình quân

giá cả thị trường  
chi phí sản xuất  
giá cả độc quyền

40. Vai trò của máy móc trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư, chọn ý đúng:

(1 Điểm)

Máy móc là tiền đề vật chất cho việc tạo ra giá trị thặng dư

Máy móc là nguồn gốc của giá trị thặng dư

Máy móc là yếu tố quyết định để tạo ra giá trị thặng dư

Máy móc và sức lao động đều tạo ra giá trị thặng dư

41. Khi nào sức lao động trở thành hàng hoá một cách phổ biến?

(1 Điểm)

Trong nền sản xuất hàng hoá TBCN

Trong nền sản xuất hàng hoá giản đơn

Trong xã hội chiếm hữu nô lệ

Trong xã hội phong kiến

42. Các yếu tố dưới đây, yếu tố nào thuộc tư bản lưu động:

(1 Điểm)

a. Đất đai làm mặt bằng sản xuất

c. Tiền lương

b. Máy móc, nhà xưởng

d. Cả a và b

43. Muốn tăng khối lượng giá trị thặng dư, nhà tư bản có thể sử dụng nhiều cách. Chọn các ý **đúng** dưới đây:

(1 Điểm)

a. Kéo dài thời gian lao động trong ngày khi thời gian lao động cần thiết không đổi

b. Tăng cường độ lao động khi ngày lao động không đổi

c. Giảm giá trị sức lao động khi ngày lao động không đổi

d. Cả a, b và c

44. Các quan hệ dưới đây, hãy nhận dạng quan hệ nào thuộc phạm trù cấu tạo hữu cơ của tư bản?

(1 Điểm)

a. Là cấu tạo giá trị được quyết định bởi cấu tạo kỹ thuật và phản ánh sự biến đổi của cấu tạo kỹ thuật của tư bản

b. Quan hệ tỉ lệ giữa tư bản bất biến với tư bản khả biến

c. Phản ánh mặt hiện vật của tư bản và mặt giá trị của tư bản

d. Cả a, b và c

45. Giá trị thặng dư là gì?

(1 Điểm)

Hiệu số giữa giá trị hàng hoá với chi phí sản xuất TBCN

Phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người công nhân làm thuê tạo ra.

Lợi nhuận thu được của người sản xuất kinh doanh

Giá trị của tư bản tự tăng lên.

46. Giải pháp làm giảm thời gian sản xuất:

(1 Điểm)

Giảm thời gian lao động

Giảm thời gian bán

Giảm thời gian mua

Giảm thời gian vận chuyển

47. Tốc độ chu chuyển của tư bản tăng lên thì tỷ suất lợi nhuận sẽ:

(1 Điểm)

Giảm xuống

Tùy điều kiện cụ thể

Không đổi

Tăng lên

48. Công thức chung của tư bản phản ánh mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là:

(1 Điểm)

Giá trị sử dụng

Giá trị và giá trị sử dụng

Giá trị

Giá trị thặng dư

49. Tư bản là:

(1 Điểm)

Giá trị đem lại giá trị thặng dư

Khối lượng tiền tệ lớn, nhờ đó có nhiều lợi nhuận  
Toàn bộ tiền và của cải vật chất  
Máy móc, thiết bị, nhà xưởng và công nhân làm thuê  
50. Chọn các ý **đúng** trong các ý dưới đây:

(1 Điểm)

- a. Giá trị thặng dư cũng là giá trị
- b. Giá trị thặng dư và giá trị giống nhau về chất, chỉ khác nhau về lượng trong 1 hàng hoá
- c. Giá trị thặng dư là lao động tất yếu kết tinh

d. Cả a, b và c

51. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp theo quy luật nào?

(1 Điểm)

Quy luật cung cầu

Quy luật giá trị thặng dư

Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân

Quy luật cạnh tranh

52. Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) có vai trò thế nào trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư? Chọn các ý **không đúng** dưới đây:

(1 Điểm)

a. Tư bản bất biến (c) là điều kiện để sản xuất giá trị thặng dư

b. Tư bản khả biến là nguồn gốc của giá trị thặng dư

c. Cả c và v có vai trò ngang nhau trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư

d. Cả a và b

53. Tư bản cố định và tư bản lưu động thuộc phạm trù tư bản nào?

(1 Điểm)

Tư bản tiền tệ

Tư bản bất

Tư bản sản xuất

Tư bản ứng trước

54. Tuần hoàn của tư bản là:

(1 Điểm)

Sự vận động liên tục của tư bản từ hình thức tư bản tiền tệ sang hình thức tư bản sản xuất và tư bản hàng hoá

Sự vận động liên tục của tư bản cố định và tư bản lưu động

Sự vận động liên tục của tư bản tiền tệ của các nhà tư bản

Sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, dưới ba hình thái kế tiếp nhau, gắn với thực hiện ba chức năng tương ứng rồi quay trở về hình thái ban đầu cùng với giá trị thặng dư

55. Thời gian ngày lao động là:

(1 Điểm)

Độ dài của ngày tự nhiên

d. Độ dài của thời gian lao động thặng dư

Thời gian mà người công nhân làm việc cho nhà tư bản trong 1 ngày

Độ dài của thời gian lao động cần thiết

56. Thời gian chu chuyển của tư bản gồm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông. Thời gian sản xuất **không** gồm ?

(1 Điểm)

Thời gian tiêu thụ hàng hoá

Thời gian lao động

Thời gian gián đoạn lao động

Thời gian dự trữ sản xuất

57. Dựa vào căn cứ nào để chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến:

(1 Điểm)

Hao mòn hữu hình hoặc vô hình

Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư

Phương thức chuyển giá trị các bộ phận tư bản sang sản phẩm

Tốc độ chu chuyển của tư bản

58. Chọn các ý đúng về hàng hoá sức lao động

(1 Điểm)

a. Nó tồn tại trong con người

b. Giá trị sử dụng của nó có khả năng tạo ra giá trị mới

c. Có thể mua bán nhiều lần

d. Cả a, b, c

59. Tư bản thương nghiệp dưới CNTB ra đời từ:

(1 Điểm)

Tư bản lưu động

Tư bản cho vay

Tư bản công nghiệp

Tư bản hàng hoá

60. Giá cả sản xuất sẽ hình thành khi nào?

(1 Điểm)

Khi hình thành chi phí sản xuất

Khi hình thành lợi nhuận bình quân.

Khi hình thành giá trị hàng hóa.

Khi hình thành giá trị thị trường

61. Khi hàng hoá bán đúng giá trị thì:

(1 Điểm)

$p = m$

$p > m$

$p = 0$

$p < m$

62. Cạnh tranh giữa các ngành xảy ra khi có sự khác nhau về:

(1 Điểm)

Cung cầu các loại hàng hoá

Giá trị thặng dư siêu ngạch

Lợi nhuận khác nhau

Tỷ suất lợi nhuận

63. Lợi tức cho vay là:

(1 Điểm)

Toàn bộ lợi nhuận được tạo ra từ số tiền vay

Không liên quan đến lợi nhuận được tạo ra từ số tiền vay

Một phần lợi nhuận bình quân được tạo ra từ số tiền vay

Lớn hơn lợi nhuận được tạo ra từ số tiền vay

64. Công thức chung của tư bản là :

(1 Điểm)

$H - T - H$

$H - T - T'$

$T - H - T'$

$T - H - T$

65. Khi nào tiền tệ biến thành tư bản?

(1 Điểm)

Dùng tiền để buôn bán mua rẻ, bán đắt.

Khi tiền được dùng để mang lại giá trị thặng dư

Dùng tiền đầu tư vào sản xuất kinh doanh

Có lượng tiền tệ đủ lớn

66. Giá trị hàng hóa thông thường và giá trị hàng hóa sức lao động giống nhau ở điểm nào?

(1 Điểm)

Đều được đo gián tiếp bằng giá trị của những tư liệu sinh hoạt.

Đều do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất, tái sản xuất ra hàng hóa quyết định.

Đều được trả bằng tiền.

Đều bao hàm yếu tố tinh thần và lịch sử

67. Quy luật giá cả sản xuất là biểu hiện hoạt động của:

(1 Điểm)

Quy luật cung - cầu

Quy luật giá trị thặng dư

Quy luật cạnh tranh

Quy luật giá trị

68. Các yếu tố dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc tư bản bất biến?

(1 Điểm)

Kết cấu hạ tầng sản xuất

Nguyên nhiên vật liệu

Tiền lương, tiền thưởng

Máy móc, thiết bị, nhà xưởng

69. Các cách diễn tả giá trị hàng hoá dưới đây, cách diễn tả nào **sai**?

(1 Điểm)

Giá trị của TLSX = c

Giá trị mới của sản phẩm = v + m

Giá trị của sản phẩm mới = v + m

Giá trị của sức lao động = v

70.Nguồn gốc trực tiếp của tập trung tư bản là:

(1 Điểm)

a. Giá trị thặng dư

b. Tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội

c. Tiền tiết kiệm trong dân cư

d. Cả a,b,

71.Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối có những hạn chế. Chọn ý **đúng** trong các nhận xét dưới đây:

(1 Điểm)

a. Gặp phải sự phản kháng quyết liệt của công nhân

b. Năng suất lao động không thay đổi

c. Không thoả mãn khát vọng giá trị thặng dư của nhà tư bản

d. Cả a, b và c

72.Tư bản khả biến là:

(1 Điểm)

a. Tư bản không biến đổi về lượng

b. Sức lao động của công nhân làm thuê

c. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

d. Cả b và c

73.Giá cả sản xuất được xác định theo công thức nào?

(1 Điểm)

k + p

c + v

c + v + m

k + lợi nhuận bình quân

74.Chọn ý **đúng** trong các ý dưới đây:

(1 Điểm)

a. Người cho vay là người sở hữu tư bản

b. Người cho vay là người sử dụng tư bản

c. Người đi vay là người sở hữu tư bản

d. Cả a, b và c

75.Nguyên nhân cơ bản làm cho tư bản cố định bị hao mòn hữu hình

(1 Điểm)

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mớiTùy chọn 1

Do sử dụng trong quá trình sản xuất và do tác động của tự nhiên

Cung lớn hơn cầu về tư bản cố định

Tăng năng suất lao động trong ngành chế tạo máy

76.Là hàng hóa đặc biệt, giá trị hàng hóa sức lao động khác với giá trị của hàng hoá thông thường ở đặc điểm:

(1 Điểm)

Tạo ra một lượng giá trị nhỏ hơn giá trị hàng hoá thông thường

Tạo ra một lượng giá trị bằng giá trị hàng hoá thông thường

Bao hàm yếu tố tinh thần và yếu tố lịch sử

Tạo ra một lượng giá trị nhiều hơn giá trị hàng hoá thông thường

77.Mối quan hệ giữa giá trị của sức lao động với tiền công trong chủ nghĩa tư bản biểu hiện:

(1 Điểm)

Giá trị sức lao động thấp thì tiền công cao

Tiền công lớn hơn giá trị sử dụng sức lao động khi cung lớn hơn cầu về hàng hoá sức lao động

Tiền công nhỏ hơn giá trị sức lao động khi cung nhỏ hơn cầu về hàng hoá sức lao động

Giống như mối quan hệ giữa giá cả hàng hoá với giá trị của nó

78.Lợi tức là một phần của:

(1 Điểm)



Lợi nhuận  
Lợi nhuận bình quân  
Lợi nhuận siêu ngạch  
**Lợi nhuận ngân hàng**

79. Động lực mạnh nhất để thúc đẩy các nhà tư bản đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động cá biệt là:

(1 Điểm)

Giá trị thặng dư tương đối  
**Giá trị thặng dư siêu ngạch**  
Giá trị thặng dư tuyệt đối  
Giá trị thặng dư cá biệt

80. Tư bản lưu động là:

(1 Điểm)

a. Sức lao động, nguyên vật liệu, nhiên liệu, máy móc  
b. Giá trị của nó chuyển từng phần vào giá trị sản phẩm  
**c. Giá trị của nó chuyển một lần, toàn phần vào giá trị sản phẩm sau một chu kỳ sản xuất**  
d. Cả a, b và c

81. Cách diễn tả giá trị hàng hoá dưới đây, cách nào đúng:

(1 Điểm)

Giá trị hàng hoá =  $c + v + p$   
Giá trị hàng hoá =  $v + m$   
**Giá trị hàng hoá =  $c + v + m$**   
Giá trị hàng hóa =  $c + m$

82. Tư bản cố định là:

(1 Điểm)

a. Các TLSX chủ yếu như nhà xưởng, máy móc...  
b. Tư bản cố định là tư bản bất biến  
c. Giá trị của nó chuyển dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm  
**d. Cả a, c**

83. Chọn các ý đúng về mua bán hàng hoá sức lao động:

(1 Điểm)

a. Bán chịu  
**b. Giá cả < giá trị do hàng hoá sức lao động tạo ra**  
c. Giá cả > giá trị do hàng hóa sức lao động tạo ra  
d. Cả a, b và c

84. Các quan hệ dưới đây, quan hệ nào **không** thuộc phạm trù cấu tạo giá trị của tư bản?

(1 Điểm)

Quan hệ giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến.  
Phản ánh mặt giá trị của tư bản  
Tỷ lệ về số lượng giá trị giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến để tiến hành sản xuất  
**Phản ánh mặt hiện vật của tư bản**

85. Mối quan hệ giữa giá trị của sức lao động với tiền công trong chủ nghĩa tư bản biểu hiện:

(1 Điểm)

Giống như mối quan hệ giữa giá cả hàng hoá với giá trị của nó  
Giá trị sức lao động thấp thì tiền công thấp  
Tiền công nhỏ hơn giá trị sức lao động khi cung nhỏ hơn cầu về hàng hoá sức lao động  
Tiền công lớn hơn giá trị sử dụng sức lao động khi cung lớn hơn cầu về hàng hoá sức lao động

86. Tư bản cho vay là:

(1 Điểm)

**Tư bản tiền tệ mà người chủ của nó nhượng cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất định để nhận được lợi tức**  
Tư bản ngân hàng  
Tư bản chức năng  
Tư bản hoạt động

87. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc nghiên cứu hàng hoá sức lao động là:

(1 Điểm)

a. Tìm giải pháp làm tăng năng suất lao động  
**b. Tìm ra chìa khoá để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung của tư bản**  
c. Để khẳng định đó là một hàng hoá  
d. Cả a, b, c

88. Nếu nhà tư bản trả công theo đúng giá trị sức lao động thì có còn bóc lột giá trị thặng dư không?

(1 Điểm)

## Cố

Bị lỗ vốn

Hoà vốn

Không

89. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư là:

(1 Điểm)

Quá trình chỉ tạo ra giá trị sử dụng

Quá trình tạo ra giá trị sử dụng và làm tăng thêm giá trị

Quá trình công nhân được tự do làm việc

Quá trình không làm thay đổi giá trị

90. Sức lao động trở thành hàng hoá từ khi nào:

(1 Điểm)

Sau cách mạng dân chủ tư sản thắng lợi

Xã hội xã hội chủ nghĩa

Trong xã hội chiếm hữu nô lệ

Mọi xã hội

91. Tích tụ và tập trung tư bản giống nhau ở:

(1 Điểm)

Đều là tăng quy mô tư bản xã hội

Có vai trò quan trọng như nhau

Đều làm tăng quy mô tư bản cá biệt

Có nguồn gốc trực tiếp giống nhau.

92. Bản chất của lợi tức cho vay:

(1 Điểm)

Là giá trị thặng dư dôi ra sau khi trừ đi lợi nhuận bình quân của nhà tư bản đi vay

Là một phần lợi nhuận thương nghiệp mà người đi vay trả cho người cho vay

Là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay.

Là toàn bộ giá trị thặng dư mà nhà tư bản đi vay trả cho người cho vay

93. Nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ chu chuyển của tư bản là:

(1 Điểm)

Thời gian bán hàng hoá trong mỗi vòng tuần hoàn

Thời gian sản xuất và thời gian lưu thông để tư bản thực hiện một vòng tuần hoàn

Thời gian mua hàng hoá trong mỗi vòng tuần hoàn

Thời gian tồn tại của tư bản cố định trong một vòng tuần hoàn

94. Lợi nhuận bình quân phụ thuộc vào

(1 Điểm)

a. Tỷ suất lợi nhuận bình quân

b. Tỷ suất lợi nhuận

c. Tỷ suất giá trị thặng dư

d. Tỷ suất lợi tức

a. Cả a, b, c

95. Nhận xét về giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch, ý nào dưới đây là đúng?

(1 Điểm)

a. Đều dựa trên cơ sở tăng NSLĐ

b. Giá trị thặng dư tương đối dựa trên cơ sở tăng NSLĐ xã hội còn giá trị thặng dư siêu ngạch dựa trên cơ sở tăng NSLĐ cá biệt.

c. Giá trị thặng dư siêu ngạch có thể chuyển hoá thành giá trị thặng dư tương đối.

d. Cả a, b, c đều đúng

96. Dựa vào căn cứ nào để chia tư bản ra thành tư bản cố định và tư bản lưu động:

(1 Điểm)

Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư

Phương thức dịch chuyển giá trị của các bộ phận tư bản sang sản phẩm mới

Sự thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất

Tốc độ chu chuyển chung của tư bản

97. Tỷ suất lợi nhuận phản ánh:

(1 Điểm)

a. Trình độ bóc lột của tư bản

b. Nghệ thuật quản lý của tư bản

c. Doanh lợi đầu tư tư bản

d. Cả a, b, c

98. Căn cứ vào đâu để chia ra thành tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng:

(1 Điểm)

Căn cứ vào phạm vi  
Căn cứ vào nội dung  
Căn cứ vào tính chất  
**Căn cứ vào quy mô**

99. Từ định nghĩa phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối hãy xác định phương án đúng dưới đây:

(1 Điểm)

**Độ dài ngày lao động lớn hơn thời gian lao động tất yếu**

Độ dài ngày lao động bằng ngày tự nhiên

Độ dài ngày lao động bằng thời gian lao động tất yếu

Độ dài ngày lao động lớn hơn không

100. Giá cả thị trường của hàng hoá trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh xoay xung quanh:

(1 Điểm)

giá cả độc quyền

giá cả hàng hoá

**giá trị hàng hoá**

giá cả sản xuất

101. Những ý kiến nào dưới đây là **sai**?

(1 Điểm)

**Tích lũy tư bản là sự tiết kiệm tư bản**

Nguồn gốc của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư.

Tích lũy tư bản là biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản.

Động cơ của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư

102. Trong các ý sau đây nói về tập trung tư bản, ý nào sai?

(1 Điểm)

a. Là sự hợp nhất nhiều tư bản cá biệt nhỏ thành một tư bản cá biệt lớn

**b. Làm cho tư bản xã hội tăng**

c. Phản ánh quan hệ trực tiếp các nhà tư bản với nhau

d. Cả a và c

103. Thời gian chu chuyển tư bản bao gồm:

(1 Điểm)

Thời gian sản xuất và thời gian bán hàng

Thời kỳ làm việc, thời kỳ gián đoạn sản xuất và thời kỳ dự trữ sản xuất

**Thời gian sản xuất và thời gian lưu thông**

Thời gian mua và thời gian bán

104. Lợi nhuận có nguồn gốc từ:

(1 Điểm)

Lao động cụ thể

Lao động quá khứ

Lao động phức tạp

**Lao động không được trả công**

Gửi

Không bao giờ tiết lộ mật khẩu của bạn. [Bảo cáo lạm dụng](#)

Nội dung này được tạo bởi chủ sở hữu của biểu mẫu. Dữ liệu bạn gửi sẽ được gửi đến chủ sở hữu biểu mẫu. Microsoft không chịu trách nhiệm về quyền riêng tư hoặc thực tiễn bảo mật của khách hàng, bao gồm cả các biện pháp bảo mật của chủ sở hữu biểu mẫu này. Không bao giờ đưa ra mật khẩu của bạn.

Hoạt động trên nền tảng Microsoft Forms

|

Chủ sở hữu của biểu mẫu này chưa cung cấp tuyên bố về quyền riêng tư về cách họ sẽ sử dụng dữ liệu phản hồi của bạn. Không cung cấp thông tin cá nhân hoặc thông tin nhạy cảm.

| [Điều khoản sử dụng](#)

